

Số: 94/2018/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 06 tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Quy định một số nội dung về quản lý, sử dụng kinh phí
sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững
giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XI, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Thực hiện Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 9 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BTTTT ngày 02 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện Dự án Truyền thông và giảm nghèo về thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 01/2017/TT-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Quy định chi tiết thực hiện Dự án 2 (Chương trình 135) thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 2586/TTr-UBND ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị ban hành Nghị quyết quy định một số nội dung về quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định cụ thể một số nội dung về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai:

1. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 30a, xã đặc biệt khó khăn và thôn đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135.

1.1. Mức hỗ trợ cụ thể dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo do địa phương thực hiện.

Hỗ trợ 90% tổng kinh phí của dự án, mô hình theo chế độ, định mức chi tiêu hiện hành nhưng không quá 400 triệu đồng/dự án, mô hình.

1.2. Hỗ trợ chi xây dựng và quản lý dự án đối với dự án do địa phương thực hiện.

Hỗ trợ 100% chi phí xây dựng và quản lý dự án đối với các dự án do địa phương thực hiện nhưng không quá 5% tổng kinh phí thực hiện dự án và không quá 10% mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho dự án.

1.3. Mức hỗ trợ cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo tham gia dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và nhân rộng mô hình giảm nghèo trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp do địa phương thực hiện.

Hộ nghèo: Hỗ trợ 20 triệu đồng/hộ/năm.

Hộ cận nghèo: Hỗ trợ 18 triệu đồng/hộ/năm.

Hộ mới thoát nghèo: Hỗ trợ 16 triệu đồng/hộ/năm.

1.4. Hỗ trợ nhà xưởng, máy móc, thiết bị, công cụ, vật tư sản xuất; hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với người nghèo trong phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, chế biến, tiêu thụ sản phẩm đối với dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề và dịch vụ do địa phương thực hiện.

a) Hỗ trợ nhà xưởng, máy móc, thiết bị, công cụ, vật tư sản xuất cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo trong phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề và dịch vụ.

Hộ nghèo: hỗ trợ 20 triệu đồng/hộ/năm.

Hộ cận nghèo: hỗ trợ 17 triệu đồng/hộ/năm.

Hộ mới thoát nghèo: hỗ trợ 14 triệu đồng/hộ/năm.

b) Hỗ trợ cho doanh nghiệp, hợp tác xã liên kết với người nghèo trong phát triển sản xuất, phát triển ngành nghề, chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

Hỗ trợ 50% giá trị máy móc thiết bị, công nghệ tiên tiến được chuyển giao nhưng không quá 200 triệu đồng/năm.

2. Hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo trên địa bàn các xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135.

Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này.

3. Hỗ trợ phương tiện nghe - xem và thiết lập cụm thông tin cơ sở do địa phương thực hiện.

3.1. Hỗ trợ phương tiện nghe - xem.

- a) Loại phương tiện hỗ trợ: Ra-đi-ô hoặc Ti vi.
- b) Hình thức hỗ trợ: Bằng hiện vật.
- c) Mức hỗ trợ: 01 Radiô/hộ nghèo nhưng không quá 1,5 triệu đồng/Radiô hoặc 01 Ti vi/hộ nghèo nhưng không quá 05 triệu đồng/Tivi.

3.2. Hỗ trợ 100% chi phí thiết lập cụm thông tin cơ sở (Bảng tin điện tử từ 01 đến 02 mặt hình) tại các khu vực cửa khẩu, biên giới, trung tâm giao thương.

4. Mức chi hỗ trợ công tác quản lý về giảm nghèo ở cấp xã là 03 triệu đồng/xã/năm.

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các dự án, mô hình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và đang triển khai thực hiện thì tiếp tục triển khai theo chính sách hỗ trợ của dự án, mô hình được duyệt và không thực hiện điều chỉnh theo chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này.

2. Đối với các dự án, mô hình thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng chưa triển khai thực hiện hoặc đang trong giai đoạn chuẩn bị thì thực hiện điều chỉnh theo chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XI - Kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày 6 tháng 12 năm 2018 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2018. *VK*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ủy ban TVQH;
- VPQH, VPCP;
- Bộ Tài chính, Bộ NN&PTNT, Bộ TT&TT
- Bộ LĐ-TB&XH, Bộ KH&ĐT; Ủy ban Dân tộc;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website: <http://dbnd.gialai.gov.vn>;
- Báo Gia Lai, Đài PTTH tỉnh;
- Lãnh đạo và chuyên viên phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT-TH.



Dương Văn Trang

